

THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ TRONG PHÁP LUẬT QUẢN LÝ THUẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS. VŨ VĂN CƯƠNG *

1. Tầm quan trọng của thông tin về người nộp thuế trong quản lý thuế hiện nay

Ở nước ta khi còn thực hiện quản lý thuế theo cơ chế chuyên quản theo từng đối tượng, từng sắc thuế thì vấn đề thông tin về người nộp thuế không được coi trọng. Những thông tin về người nộp thuế chủ yếu do người nộp thuế cung cấp qua tờ khai thuế, từ thông tin đó cơ quan thuế sử dụng để xác định số thuế phải nộp và ra thông báo thuế cho người nộp thuế thực hiện. Do phạm vi sử dụng thông tin trong quản lý thuế chỉ hạn hẹp, hơn nữa trong cơ chế quản lý thuế chuyên quản, cán bộ chuyên quản thuế là “đại diện” toàn quyền của cơ quan thuế, có đủ “quyền lực” để phán xử mọi vấn đề trong phạm vi “khép kín”. Phán xử đó có thể đúng luật hoặc không đúng luật nhưng chấp hành phán xử là sự lựa chọn “khôn ngoan” từ phía người nộp thuế. Vì vậy, những thông tin về người nộp thuế nghèo nàn và chỉ được lưu giữ, quản lý, sử dụng trong phạm vi cơ quan quản lý thuế trực tiếp đối với đối tượng nộp thuế. Thông tin về người nộp thuế mà cơ quan thuế có được mang tính đơn lẻ, không đảm bảo độ chính xác, không đầy đủ, không được lưu giữ, quản lý và khai thác có tính hệ thống. Thông tin về người nộp thuế phục vụ rất ít cho công tác quản lý thuế. Pháp luật hầu như không có quy định về vấn đề này.

Khi chuyển sang thực hiện quản lý thuế theo cơ chế “tự khai, tự nộp thuế” các nhà quản lý, hoạch định chính sách của nước ta đã nhận thức được tầm quan trọng đối với thông tin về người nộp thuế trong quản lý thuế hiện nay. Chương trình cải cách và hiện đại hoá hệ thống thuế Việt Nam giai đoạn 2005-2010⁽¹⁾ đã xác định rõ mục tiêu: “*Phải xây dựng một hệ thống thông tin về người nộp thuế đầy đủ, toàn diện phục vụ cho yêu cầu quản lý thuế hiện đại, hiệu quả theo cơ chế tự khai-tự nộp và ứng dụng kỹ thuật quản lý rủi ro trong quản lý thuế. Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về tổ chức, cá nhân nộp thuế được xây dựng thông qua việc xây dựng và triển khai ứng dụng tin học trong các nghiệp vụ quản lý thuế theo quy trình thủ tục trong ngành thuế và sự phối hợp trao đổi thông tin với các cơ quan, tổ chức có liên quan...*”.

Luật quản lý thuế của Việt Nam ban hành ngày 29/11/2006 có dành Chương IX từ Điều 69 đến Điều 74 để quy định nội dung mới quan trọng, đó là thông tin về người nộp thuế. Trong đó Luật đã khẳng định rõ: “*Thông tin về người nộp thuế là cơ sở để thực hiện quản lý thuế, đánh giá mức độ chấp hành pháp luật của người nộp thuế, ngăn ngừa, phát*

* Trung tâm tư vấn pháp luật và đào tạo ngắn hạn Trường Đại học Luật Hà Nội

hiện vi phạm pháp luật về thuế”⁽²⁾.

Tự khai, tự nộp thuế là cơ chế quản lý thuế, trong đó người nộp thuế được chủ động và tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế của mình theo quy định của pháp luật. Người nộp thuế tự kê khai, tự tính toán số thuế phải nộp, tự nộp thuế cho ngân sách nhà nước theo đúng thời hạn mà Luật quy định và tự chịu trách nhiệm về việc kê khai, nộp thuế của mình. Cơ quan quản lý thuế không can thiệp trực tiếp vào việc kê khai, nộp thuế của người nộp thuế trừ khi phát hiện ra các sai sót, vi phạm hoặc có các dấu hiệu không tuân thủ pháp luật thuế.

Nền tảng của quản lý thuế hiện đại chính là hướng đến và phát huy cao nhất tính tự giác, tuân thủ pháp luật của người nộp thuế. Để đạt được mục tiêu này, cơ quan quản lý thuế phải làm tốt công tác tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn pháp luật thuế để người nộp thuế hiểu rõ và tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế. Ngoài ra, cơ quan quản lý thuế còn phải có khả năng phát hiện nhanh chóng, chính xác, xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với hầu hết đối tượng không tuân thủ pháp luật thuế nhằm giáo dục, răn đe, phòng ngừa và hướng mọi đối tượng nộp thuế đến sự tuân thủ pháp luật một cách tự giác. Nhưng vấn đề đặt ra là làm thế nào để cơ quan quản lý thuế có thể phát hiện nhanh chóng, kịp thời đối với hầu hết các đối tượng nộp thuế không tuân thủ pháp luật thuế, trong điều kiện phải tôn trọng và phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người nộp thuế trong thực hiện nghĩa vụ thuế, mọi hoạt động quản lý thuế của cơ quan thuế phải bảo đảm nguyên tắc không làm cản trở hoạt động bình thường

của người nộp thuế. Để giải quyết vấn đề này, nhiều nước áp dụng phương pháp quản lý thuế hiện đại là quản lý thuế trên cơ sở dữ liệu thông tin tổng hợp và kỹ thuật quản lý rủi ro. Đây là phương pháp quản lý thuế dựa trên lý thuyết xác suất và phân tích rủi ro trên cơ sở những nguồn thông tin về người nộp thuế được thu thập từ người nộp thuế, từ các chủ thể khác có liên quan và sự logic trong những nguồn thông tin đó để xác định đối tượng “có vấn đề” cần phải tập trung quản lý, giám sát. Phương pháp quản lý thuế này có ưu điểm vừa bảo đảm tính khách quan trong việc xác định các đối tượng cần để mắt tới, vừa tạo ra áp lực răn đe vô hình đối với người nộp thuế, tính hiệu quả trong quản lý thuế được nâng cao, tiết kiệm thời gian, nhân lực, chi phí cho cả Nhà nước và người nộp thuế, dân chủ được mở rộng; quyền, trách nhiệm của người nộp thuế được tôn trọng và đề cao. Tuy nhiên, kinh nghiệm quản lý thuế ở một số nước cho thấy một trong những yếu tố quan trọng nhất bảo đảm tính hiệu quả trong quản lý thuế là cơ quan quản lý thuế phải có được hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin đầy đủ về người nộp thuế và khả năng ứng dụng tốt những thành tựu về công nghệ thông tin trong thu thập, quản lý và sử dụng các nguồn thông tin về người nộp thuế.

Trong quản lý thuế hiện nay, thông tin về người nộp thuế được xác định là cơ sở, là xuất phát điểm cho mọi hoạt động quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế. Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về người nộp thuế được khai thác sử dụng trong hầu hết các nghiệp vụ quản lý thuế như: công tác đăng ký thuế; công tác xử lý tờ khai thuế, kế toán

thuế, hoàn thuế; công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế thuế; công tác kiểm tra, thanh tra thuế; công tác phân tích dự báo thu ngân sách nhà nước; thông tin báo cáo phục vụ chỉ đạo điều hành và xây dựng chiến lược kế hoạch hoạt động của ngành thuế; cung cấp thông tin báo cáo cho Bộ tài chính và các cơ quan nhà nước có liên quan. Chẳng hạn, để kiểm tra, đánh giá hồ sơ khai thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế cần có được những thông tin: Hồ sơ khai thuế của người nộp thuế trong kì; số thuế đã nộp của các kì khai thuế trước; thông tin về các giao dịch kinh tế giữa người nộp thuế với tổ chức, cá nhân có liên quan; thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan cung cấp; thông tin khác do cơ quan quản lý thuế thu thập được; các thông tin về người nộp thuế kinh doanh cùng ngành nghề, cùng quy mô tại địa phương; số thuế phải nộp bình quân của một số cơ sở kinh doanh cùng ngành nghề, cùng mặt hàng tại địa phương; các tài liệu kiểm tra thuế, thanh tra thuế của cơ quan quản lý thuế... Từ thông tin về người nộp thuế này, cơ quan thuế xử lý bằng các nghiệp vụ của mình như: phân tích, đối chiếu, so sánh... tìm ra các lỗi vi phạm, các hành vi gian lận, trốn lậu thuế của người nộp thuế, qua đó sẽ đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, phân loại đối tượng nộp thuế theo các mức độ khác nhau để có biện pháp quản lý thuế thích hợp tiếp theo cho từng loại đối tượng. Đối tượng chấp hành tốt pháp luật thuế, không thấy có dấu hiệu vi phạm, cơ quan thuế khuyến khích tuyên dương. Đối tượng nộp thuế có vi phạm nhỏ, cơ quan quản lý thuế nhắc nhở, yêu cầu sửa chữa, bổ sung,

nếu thấy có nghi ngờ hoặc có sự bất hợp lý trong các thông tin, yêu cầu người nộp thuế giải trình hoặc yêu cầu người nộp thuế và người có liên quan cung cấp thêm thông tin để làm rõ. Nếu người nộp thuế không giải trình, không cung cấp thông tin hoặc không chứng minh được tính đúng đắn, chính xác của các số liệu trong hồ sơ khai thuế thì cơ quan thuế sẽ thực hiện việc ấn định thuế hoặc ra quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế để làm rõ vấn đề cơ quan thuế nghi ngờ từ đó định ra hướng xử lý. Đối với đối tượng nộp thuế, qua xem xét và xử lý các nguồn thông tin, cơ quan thuế thấy có dấu hiệu vi phạm lớn hoặc có bằng chứng xác định người nộp thuế cố tình gian lận, trốn lậu thuế thì cơ quan thuế sẽ quyết định thanh tra thuế đối với đối tượng này để có đủ cơ sở kết luận và tiến hành xử lý.

Tầm quan trọng của thông tin về người nộp thuế trong quản lý thuế được khẳng định trên cả phương diện lý luận và thực tiễn và được ghi nhận thành nội dung cơ bản trong pháp luật quản lý thuế ở các quốc gia đặc biệt là các nước thực hiện quản lý thuế theo cơ chế tự khai, tự nộp thuế.

2. Thực trạng pháp luật quy định thông tin về người nộp thuế trong pháp luật quản lý thuế ở Việt Nam hiện nay

Luật quản lý thuế và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này⁽³⁾ đã có một số quy định cơ bản liên quan đến thông tin về người nộp thuế. Trên cơ sở những quy định của pháp luật hiện hành có thể đưa ra một số nhận định, đánh giá như sau:

Thứ nhất, pháp luật quản lý thuế đã quy định khá rõ trách nhiệm của các chủ thể

trong việc cung cấp thông tin về người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế. Cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của mình là trách nhiệm, nghĩa vụ cơ bản của người nộp thuế được quy định tại Điều 7 Luật quản lý thuế và quy định chi tiết trong nhiều điều luật có liên quan đến thủ tục hành chính thuế mà người nộp thuế phải thực hiện. Bởi vậy, Điều 71 Chương IX Luật quản lý thuế chỉ quy định khái quát trách nhiệm của người nộp thuế trong cung cấp thông tin là: cung cấp đầy đủ thông tin trong hồ sơ thuế; cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế. Việc quy định như vậy bảo đảm tính khái quát, tính khoa học, tính đầy đủ về nội dung mà không bị trùng lặp trong các điều luật của các chương đã được thiết kế trong Luật quản lý thuế.

Luật quản lý thuế và văn bản quy định chi tiết⁽⁴⁾ còn quy định khá rõ trách nhiệm của các chủ thể có liên quan trong việc cung cấp thông tin về người nộp thuế như: cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cơ quan cấp giấy phép thành lập và hoạt động; kho bạc nhà nước; cơ quan quản lý nhà nước về nhà, đất; cơ quan công an; cơ quan thanh tra; cơ quan chi trả thu nhập; cơ quan quản lý nhà nước về thương mại; cơ quan nhà nước khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan (như: ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng; tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, công ti kiểm toán độc lập; các tổ chức, cá nhân là đối tác kinh doanh hoặc khách hàng của người nộp thuế; Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam; các tổ chức, cá nhân khác). Các quy định của pháp

luật đã chỉ rõ thông tin cần cung cấp đối với mỗi loại chủ thể nêu trên và chỉ ra được các trường hợp phải cung cấp thông tin theo phương thức tự động, trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế. Ngoài ra, pháp luật còn quy định những hình thức cung cấp thông tin (cung cấp thông tin bằng văn bản, bằng trả lời trực tiếp hoặc dữ liệu điện tử) đồng thời pháp luật quy định một số quyền lợi và nghĩa vụ khác của chủ thể cung cấp thông tin như: tổ chức, cá nhân khi cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý thuế không phải thông báo cho người nộp thuế biết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; người thứ ba có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu, được cơ quan quản lý thuế chi trả chi phí đi lại, ăn ở theo chế độ quy định; cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm giữ bí mật về người cung cấp thông tin, văn bản, tài liệu, bút tích, chứng cứ thu thập được từ người cung cấp thông tin...

Việc quy định trách nhiệm cung cấp thông tin về người nộp thuế của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xuất phát từ cơ sở lý luận: thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước, là tài sản của quốc gia được sử dụng để đáp ứng cho lợi ích chung của mọi người, bởi vậy trách nhiệm tham gia quản lý thuế là trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội. Việc xác định trách nhiệm cung cấp thông tin về người nộp thuế của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan chính là sự thể hiện, sự cụ thể hoá trách nhiệm tham gia quản lý thuế của các chủ thể này.

Thứ hai, pháp luật quản lý thuế quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong

xây dựng, quản lý hệ thống thông tin về người nộp thuế. Xuất phát từ mục đích xây dựng hệ thống thông tin về người nộp thuế nhằm phục vụ cho công tác quản lý thuế của nhà nước, Luật quản lý thuế đã quy định trách nhiệm cụ thể của cơ quan quản lý thuế trong việc tổ chức xây dựng, quản lý và phát triển cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật của hệ thống thông tin về người nộp thuế; tổ chức đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin, quản lý cơ sở dữ liệu và bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống thông tin về người nộp thuế, được áp dụng các biện pháp nghiệp vụ cần thiết để thu thập, xử lý thông tin theo mục tiêu và yêu cầu quản lý thuế, cụ thể:

- Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong xây dựng hệ thống thông tin về người nộp thuế gồm: xây dựng hệ thống các chỉ tiêu thông tin, cơ sở dữ liệu cần thu thập từ người nộp thuế, từ cơ quan quản lý thuế và từ bên thứ ba; chuẩn hoá mẫu biểu thu thập thông tin, thống nhất mẫu biểu với các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin hoặc thu thập thông tin theo định dạng sẵn có của tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin; xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thiết bị truyền tin đáp ứng yêu cầu thu thập, xử lý, lưu trữ, truyền tải, khai thác sử dụng, kiểm soát thông tin trong cơ quan quản lý thuế.

- Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong quản lý hệ thống thông tin về người nộp thuế là xây dựng cơ chế sử dụng thông tin về người nộp thuế để phục vụ công tác quản lý thuế; xây dựng cơ chế cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước; quản lý cơ sở dữ liệu và bảo đảm duy trì hệ thống tin về

người nộp thuế.

Thứ ba, pháp luật quản lý thuế đã quy định trách nhiệm bảo mật thông tin về người nộp thuế. Theo Luật quản lý thuế, cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế, người đã là công chức quản lý thuế, tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế phải giữ bí mật thông tin của người nộp thuế theo quy định của pháp luật. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin của người nộp thuế cho cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án, cơ quan thanh tra, cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan quản lý thuế nước ngoài phù hợp với điều ước quốc tế về thuế mà Việt Nam là thành viên.

Bên cạnh việc quy định về bảo mật thông tin, Luật quản lý thuế còn quy định cơ quan quản lý thuế được công khai các thông tin vi phạm pháp luật về thuế của người nộp thuế trên phương tiện thông tin đại chúng trong các trường hợp sau đây:

- Trốn thuế, gian lận thuế, chiếm đoạt tiền thuế, mua bán hoá đơn bất hợp pháp, làm mất hoá đơn, vi phạm pháp luật về thuế rồi bỏ trốn khỏi trụ sở kinh doanh, tiếp tay cho hành vi trốn thuế, không nộp tiền thuế đúng thời hạn sau khi cơ quan quản lý thuế đã áp dụng các biện pháp xử phạt, cưỡng chế thu nợ thuế.

- Các hành vi vi phạm pháp luật về thuế của người nộp thuế làm ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ nộp thuế của tổ chức, cá nhân khác.

- Không thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật, như: từ chối không cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan quản lý thuế; không chấp

hành quyết định kiểm tra, thanh tra và các yêu cầu khác của cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật; chống, ngăn cản công chức thuế, công chức hải quan thi hành công vụ và các thông tin khác được công khai theo quy định của pháp luật.

Có thể khẳng định pháp luật quản lý thuế Việt Nam đã có quy định khá chi tiết, rõ ràng nhiều nội dung quan trọng xung quanh vấn đề thông tin về người nộp thuế nhằm tiến đến thực hiện có hiệu quả cơ chế quản lý thuế hiện đại là quản lý thuế dựa trên cơ sở dữ liệu thông tin tổng hợp và kỹ thuật quản lý rủi ro. Tuy nhiên, pháp luật về thông tin trong quản lý thuế còn một số hạn chế cần hoàn thiện, cụ thể:

- Một là vấn đề khái niệm hệ thống thông tin về người nộp: Khoản 1 Điều 69 Luật quản lý thuế quy định: "*Hệ thống thông tin về người nộp thuế bao gồm những thông tin, tài liệu có liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế*".

Như vậy, Luật quản lý thuế chỉ đưa ra định nghĩa khái quát, mới chỉ ra được giới hạn phạm vi thông tin về người nộp thuế là những thông tin, tài liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Luật không quy định cụ thể và không làm rõ được những thông tin, tài liệu nào là thông tin, tài liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế? Vấn đề này khá quan trọng bởi liên quan đến trách nhiệm cung cấp thông tin của các chủ thể. Giả sử khi cơ quan quản lý thuế yêu cầu chủ thể có liên quan nào đó cung cấp thông tin về người nộp thuế liệu có cần phải giải thích rõ hay chứng minh rằng thông tin đó có liên quan đến nghĩa vụ thuế của

người nộp thuế không, cụ thể là loại thuế nào? Bởi người có thông tin về người nộp thuế có quyền từ chối cung cấp thông tin mà họ biết cho cơ quan thuế khi họ cho rằng thông tin đó không liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Trong trường hợp này, người cung cấp thông tin có bị xử phạt vì lỗi không cung cấp thông tin về người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế khi có yêu cầu không? Ví dụ ông A chuyển quyền sử dụng thửa đất trị giá 5 tỉ đồng cho B, trong hồ sơ khai thuế ông A khai B là con ngoài giá thú của ông với bà C nhưng giấy khai sinh của B chỉ ghi tên người mẹ mà không ghi tên người cha. Để xác định ông A có nghĩa vụ nộp thuế hay không đối với hành vi chuyển quyền sử dụng đất trên, cơ quan thuế cần xác định B có thực sự là con của ông A hay không nên đã yêu cầu bà C cung cấp thông tin về người bố của B. Trong trường hợp này, nếu cơ quan thuế không giải thích rõ thông tin đó có liên quan đến nghĩa vụ thuế của ông A thì bà C sẽ không có trách nhiệm phải cung cấp thông tin cho cơ quan thuế và cơ quan thuế không thể nói rằng bà C đã không thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin về người nộp thuế khi được cơ quan thuế yêu cầu, thậm chí bà C có thể cho rằng cơ quan thuế có ý muốn xâm phạm bí mật đời tư của bà.

Do Luật không chi rõ được những thông tin, tài liệu nào có liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế nên mỗi lần cơ quan quản lý thuế yêu cầu chủ thể nào đó cung cấp thông tin về người nộp thuế thì phải giải thích rõ thông tin đó có liên quan đến nghĩa vụ thuế của ai, cụ thể là loại thuế nào? Có như vậy, người có thông tin mới thấy được

họ có trách nhiệm phải cung cấp thông tin, nếu họ vi phạm các quy định về cung cấp thông tin thì cơ quan thuế mới có thể áp dụng chế tài đối với họ. Theo chúng tôi, do có nhiều loại thuế khác nhau, mỗi loại thuế lại có nội dung quy định khác nhau, các nhà làm luật khó có thể liệt kê chi tiết, đầy đủ các loại thông tin, tài liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế nên cách định nghĩa khái quát là giải pháp hợp lý. Tuy nhiên, trong thực tiễn thi hành sẽ nảy sinh một số vấn đề vướng mắc thậm chí xảy ra tranh chấp giữa chủ thể cung cấp thông tin và cơ quan quản lý thuế trong việc xác định trách nhiệm cung cấp thông tin về người nộp thuế.

- Hai là vấn đề trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế. Pháp luật mới chỉ có một số quy định chung mang tính định hướng, chưa có quy định chi tiết và hướng dẫn cụ thể. Tại khoản 4 Điều 70 Luật quản lý thuế quy định: *"Bộ tài chính quy định cụ thể việc xây dựng, thu thập, xử lý và quản lý hệ thống thông tin về người nộp thuế"*. Hiện nay, những nội dung này vẫn chưa được Bộ tài chính quy định trong khi đây là vấn đề khá phức tạp liên quan nhiều đến việc xây dựng và triển khai ứng dụng tin học trong các nghiệp vụ quản lý thuế theo quy trình thủ tục trong ngành thuế và sự phối hợp trao đổi thông tin với các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Ba là vấn đề bảo mật thông tin của người nộp thuế. Luật quản lý thuế quy định về những chủ thể có trách nhiệm phải giữ bí mật thông tin của người nộp thuế nhưng lại chưa có quy định cụ thể về vấn đề này. Hiện nay có nhiều câu hỏi đặt ra cần được pháp luật giải quyết là: Có phải mọi thông tin về

người nộp thuế đều được giữ bí mật hay chỉ một nhóm những thông tin cần thiết? Việc giữ bí mật thông tin về người nộp thuế đối với cơ quan quản lý thuế là trách nhiệm đương nhiên hay phải theo yêu cầu của người nộp thuế, người cung cấp thông tin? Cơ chế bảo mật thông tin về người nộp thuế như thế nào, trong khi dữ liệu thông tin được quản lý tập trung, được các bộ phận nghiệp vụ khác nhau khai thác sử dụng để phục vụ cho công tác quản lý thuế của mình? Trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế, cán bộ công chức thuế, người có liên quan như thế nào khi vi phạm quy định về bảo mật thông tin của người nộp thuế?

Một trong những điều kiện quan trọng để thực hiện cơ chế tự khai, tự nộp là cơ quan thuế phải có hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về người nộp thuế đủ mạnh để thẩm tra, xác minh, đánh giá khả năng rủi ro, tìm ra các vùng trọng điểm cần quản lý. Trong các thông tin về người nộp thuế do những chủ thể khác nhau cung cấp có thông tin mang tính đặc thù hoặc có liên quan đến bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật đời tư. Thông thường những thông tin có tính bí mật dường như người nộp thuế vẫn còn dè dặt cung cấp khi cơ quan thuế yêu cầu. Phần vì sợ lộ bí mật nghề nghiệp, phần vì chưa thấy đảm bảo chắc chắn những thông tin đó không bị lạm dụng, bóp méo có ảnh hưởng đến triển vọng phát triển của mình trong tương lai và thậm chí còn ảnh hưởng đến cả những vấn đề nhạy cảm trong quá khứ. Từ thực tế tâm lý đó, người nộp thuế tìm mọi cách để giữ các thông tin, còn cơ quan quản lý thuế tìm mọi cách khai thác các thông tin kể cả từ nguồn

không chính thức. Trong tình trạng đó, độ tin cậy của các thông tin mà cơ quan thuế có được ở mức nào? Nếu thông tin cơ quan thuế thu thập được mà thiếu chính xác hoặc không đầy đủ sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của người nộp thuế. Sự thiếu chính xác của nguồn dữ liệu thông tin có thể dẫn đến tình trạng có doanh nghiệp thì liên tục bị cơ quan thuế sấm soi làm phiền bởi các cuộc thanh tra, kiểm tra trong khi đó doanh nghiệp cần được kiểm tra, thanh tra thì vẫn có thể đứng ngoài cuộc. Vì vậy, vấn đề pháp lý đặt ra đối với việc bảo mật thông tin của người nộp thuế cần phải được làm rõ và được quy định cụ thể, chi tiết.

Thực tế đã có những vấn đề nảy sinh xung quanh việc bảo mật thông tin của người nộp thuế. Ý định “vinh danh” những cá nhân làm công ăn lương có số thuế nộp cao của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện được bởi những người trong cuộc phản đối. Một công ti tư vấn kiểm toán quốc tế có yêu cầu Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh không tuyên dương hay khen thưởng khách hàng của họ vì thành tích nộp thuế vì từ số thuế phải nộp được công khai, người khác sẽ biết được thu nhập của các cá nhân là khách hàng của công ti. Trường hợp chị Lê Thị Minh Hòa (văn phòng đại diện Công ti được phẩm Alcon) cảm thấy bức xúc khi bắt đầu dĩ dĩ đã trở thành mối quan tâm của xã hội khi “được” báo chí đưa tin là người đứng đầu danh sách những người nộp thuế thu nhập cá nhân cao nhất khối văn phòng đại diện nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh với số thuế phải nộp gần 2,9 tỉ đồng. Với thông tin này, dễ dàng tính toán chi thu nhập 01 năm

khoảng 7,27 tỉ đồng, trung bình một tháng gần 606 triệu đồng. Theo lãnh đạo một công ti kiểm toán nước ngoài thì thu nhập thực tế của mỗi cá nhân cho đến bây giờ vẫn là chuyện tế nhị. Các công ti trả lương cho ai bao nhiêu thì chỉ riêng người đó biết, ngay cả trong nội bộ công ti cũng không thể công khai để tránh sự so bì, nói gì đến việc đưa ra công chúng để bàn luận, rồi công ti đối thủ soi mói. Một nghệ sĩ kịch nói nổi tiếng cũng từng phản ứng khi tên của anh xuất hiện trên báo cùng tổng thu nhập cả năm và số thuế phải nộp. Nghệ sĩ này cho rằng: “Việc công bố thu nhập của tôi trên báo chí như vậy, lỡ ra đường tôi bị ăn cướp, chặn đường, ai chịu”.⁽⁵⁾

Luật quản lý thuế Việt Nam có quy định “giữ bí mật thông tin của người nộp thuế theo quy định của pháp luật” nhưng quy định nào của pháp luật thì ngành thuế chịu. Vấn đề bảo mật thông tin của người nộp thuế đã là thông lệ quốc tế, được xác định là quyền của người nộp thuế nên người nộp thuế theo pháp luật thuế Việt Nam đương nhiên được hưởng quyền này.

3. Những yêu cầu đặt ra đối với thông tin về người nộp thuế trong quản lý thuế và một số định hướng trong việc hoàn thiện pháp luật

Trong quản lý thuế theo cơ chế tự khai, tự nộp thuế, thông tin về người nộp thuế phải được xây dựng có tính hệ thống gọi là hệ thống thông tin về người nộp thuế.⁽⁶⁾ Hệ thống thông tin về người nộp thuế phải đảm bảo các yêu cầu:

- Hệ thống thông tin về người nộp thuế phải đầy đủ đáp ứng yêu cầu quản lý thuế. Hệ thống thông tin về người nộp thuế đầy đủ

bao gồm các thông tin cơ bản như: Thông tin về đăng kí thuế, kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, thông tin về kế toán tài khoản thuế của người nộp thuế; thông tin kết quả sản xuất kinh doanh; thông tin về tình hình chấp hành pháp luật thuế; thông tin khác liên quan đến quá trình hoạt động, giao dịch của người nộp thuế... Bởi vậy thông tin về người nộp thuế phải thu thập, khai thác từ nhiều kênh, nhiều nguồn và bằng nhiều hình thức khác nhau như: từ người nộp thuế, từ nội bộ cơ quan quản lí thuế, các cơ quan nhà nước và từ các tổ chức, cá nhân có liên quan. Nếu có đầy đủ các thông tin cần thiết liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thì việc phân tích, đánh giá phân loại đối tượng nộp thuế mới chính xác và phát hiện các vi phạm của người nộp thuế mới thuận lợi và nhanh chóng. Để bảo đảm tính đầy đủ, độ tin cậy cần thiết của thông tin về người nộp thuế, pháp luật cần quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể trong cung cấp thông tin về người nộp thuế như trách nhiệm của người nộp thuế, của các cơ quan Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân có liên quan. Đồng thời, pháp luật quy định trách nhiệm của cơ quan quản lí thuế trong việc tiếp nhận, quản lí sử dụng thông tin về người nộp thuế, trách nhiệm phối hợp, cung cấp trao đổi thông tin về người nộp thuế với các cơ quan liên quan nhằm phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật thuế. Đây là khâu yếu ở nước ta trong thời gian qua và cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhiều đối tượng nộp thuế trốn lậu thuế với số lượng lớn, có hệ thống nhưng cơ quan thuế chưa kịp thời phát hiện để xử lí.

- Thông tin về người nộp thuế phải đảm bảo tính chính xác, trung thực. Những thông tin về người nộp thuế mà cơ quan thuế thu thập được phải đảm bảo độ tin cậy cao, có như vậy việc phân tích, đánh giá, phân loại đối tượng quản lí mới chính xác, bảo đảm việc quản lí đúng và trúng đối tượng. Để đáp ứng yêu cầu này, pháp luật phải quy định rõ trách nhiệm của người cung cấp thông tin phải đảm bảo tính chính xác, trung thực của thông tin mà họ cung cấp, đồng thời pháp luật định rõ các biện pháp xử lí đối với những trường hợp cung cấp thông tin không trung thực, không chính xác. Ngoài ra, cơ quan quản lí thuế khi tiếp nhận các nguồn thông tin cung cấp cũng phải có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá tính trung thực, chính xác của thông tin được cung cấp.

- Thông tin về người nộp thuế phải bảo tính đầy đủ, kịp thời. Phương pháp quản lí dựa trên cơ sở dữ liệu thông tin về người nộp thuế có thể gặp rủi ro đó là khả năng để sót các trường hợp gian lận mà không bị phát hiện và ngăn chặn kịp thời do người nộp thuế lợi dụng sự thông thoáng của cơ chế "tự khai, tự nộp thuế". Trường hợp này xảy ra nhiều khi hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về người nộp thuế không đảm bảo được tính đầy đủ, toàn diện, kịp thời không đảm bảo cho việc phát hiện kịp thời các đối tượng cố tình khai man, trốn lậu thuế. Vì vậy, thông tin về người nộp thuế phải được cung cấp đúng thời hạn và phải được cập nhật, xử lí thường xuyên, phải lưu giữ tập trung tại cơ sở dữ liệu cấp trung ương, được chia sẻ, khai thác và sử dụng trên phạm vi toàn quốc nhằm giúp cho các cơ quan chức năng có thể trao đổi, khai

thác sử dụng thuận tiện, dễ dàng nhằm phục vụ cho mục tiêu quản lí. Pháp luật phải định rõ thời gian tối đa trong việc cung cấp thông tin đối với từng loại chủ thể, từng hình thức cung cấp thông tin. Để đảm bảo tính nhanh chóng, chính xác, kịp thời, khách quan trong cung cấp, thu thập, trao đổi thông tin, khai thác xử lí, lưu trữ các nguồn thông tin trong điều kiện các hoạt động kinh tế ngày càng mở rộng, phát triển, đối tượng nộp thuế ngày càng tăng, cần xây dựng và hoàn thiện các chuẩn mực hệ thống thông tin về người nộp thuế, đảm bảo nội dung thông tin đáp ứng được yêu cầu quản lí thuế hiện đại và phù hợp với chuẩn mực quốc tế; xây dựng và hoàn thiện các quy định xử lí nghiệp vụ quản lí thuế từ đó xây dựng quy trình cập nhật, xử lí, kiểm tra, kiểm soát và lưu trữ các thông tin về người nộp thuế; xây dựng các quy chế phân quyền, phân cấp khai thác và sử dụng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu. Mặt khác, rất cần đến sự hỗ trợ mạnh mẽ của công nghệ thông tin ở các khâu quản lí thuế.

- Thông tin về người nộp thuế phải được phân loại theo những cấp độ khác nhau để có cách thức khai thác quản lí phù hợp. Thông tin về người nộp thuế khá đa dạng, được cung cấp, khai thác từ nhiều nguồn khác nhau để phục vụ công tác quản lí thuế.

Trong những thông tin về người nộp thuế, những thông tin thông thường có thể công khai, những thông tin nhạy cảm chỉ công khai khi cần thiết và những thông tin bí mật nghề nghiệp, bí mật đời tư không công bố, không công khai. Những thông tin bí mật này cần phải được bảo mật một cách chặt chẽ. Việc bảo đảm bí mật thông tin nghề

ngiệp được coi là vấn đề sống còn đối với người nộp thuế, vì vậy bảo mật thông tin là trách nhiệm của cơ quan thuế và cán bộ thừa hành nhiệm vụ. Pháp luật cần quy định rõ trách nhiệm đối với cơ quan thuế trong việc giữ bí mật thông tin của người nộp thuế, chỉ rõ trường hợp nào cơ quan quản lí thuế được cung cấp cho các cơ quan khác khi có yêu cầu (chẳng hạn các cơ quan tố tụng). Đồng thời, pháp luật quy định rõ trách nhiệm bồi thường thiệt hại, thậm chí truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp để lộ thông tin bí mật nghề nghiệp của người nộp thuế một cách cố ý. Chỉ có như vậy người nộp thuế và các chủ thể có liên quan mới cung cấp thông tin cho cơ quan thuế một cách cởi mở và cơ quan thuế mới có nguồn thông tin đa chiều nhằm phục vụ tốt công tác quản lí thuế của mình.

(Xem tiếp trang 38)

(1). Kế hoạch cải cách và hiện đại hoá hệ thống thuế giai đoạn 2005-2010 ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ tài chính số 1629/2005/QĐ-BTC ngày 19/5/2005.

(2). Xem: Khoản 2 Điều 69 Luật quản lí thuế năm 2006.

(3). Xem: Nghị định của Chính phủ số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lí thuế; Thông tư của Bộ tài chính số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lí thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP.

(4). Xem: Các điều 71, 72 Luật quản lí thuế; các điều 33, 34 Nghị định của Chính phủ số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lí thuế.

(5). Xem: *Ai nộp thuế cao nhất Việt Nam?* <http://www.laodong.com.vn/Home/Ai-nop-thue-cao-nhat-VN/20073/25372.laodong>

(6). Xem: Khoản 1 Điều 69 Luật quản lí thuế ban hành ngày 29/11/2006.

đồng thời đảm bảo các nguồn thu ngân sách hợp lí, chính xác, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 cần quy định cụ thể, rõ ràng hơn về thu nhập chịu thuế, theo đó bổ sung thêm một số thu nhập thuộc đối tượng chịu thuế mà điển hình là thu nhập phát sinh từ hoạt động chào bán cổ phiếu của các công ty cổ phần, quy định cụ thể hơn về các chi phí liên quan đến hoạt động chào bán cổ phần của công ty cổ phần có được trừ hay không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế, xem xét bổ sung những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với những doanh nghiệp tiến hành chào bán cổ phiếu./

- (1).Xem: Điều 10 Luật chứng khoán năm 2006.
- (2).Xem: Khoản 1 Điều 87 Luật doanh nghiệp năm 2005 ngày.
- (3).Xem: <http://www.reecorp.com>
- (4).Xem: <http://www.vnchannel.net>
- (5).Xem: Điều 7 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2003.
- (6).Xem: Điều 3 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008.
- (7).Xem: Bùi Thanh Lam, *Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 - Những điểm mới*, Thời báo kinh tế Sài Gòn Online ngày 30/6/2008.
- (8).Xem: Những điểm mới của luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2008, Sài Gòn Times ngày 10/7/2008.
- (9).Xem: Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần khu công nghiệp Tân Tạo tháng 4/2007.
- (10).Xem: Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần sách giáo dục tại thành phố Hà Nội, Trung tâm. giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 21/5/2008.
- (11).Xem: Khoản 1 Điều 9, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008.
- (12).Xem: Công văn số 11924/2004/CV-BTC về ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu.

THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ... (tiếp theo trang 12)

Tóm lại, thông tin về người nộp thuế là yêu cầu quan trọng của công tác quản lý thuế hiện đại, đảm bảo cho cơ quan quản lý thuế theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế. Trên cơ sở đó, cơ quan quản lý thuế tập trung vào quản lý các đối tượng có nhiều khả năng vi phạm pháp luật thuế, tránh thất thu ngân sách đồng thời giảm phiền hà cho đối tượng chấp hành tốt pháp luật thuế. Luật quản lý thuế quy định trách nhiệm cung cấp thông tin về người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế của các chủ thể là người nộp thuế, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan. Đồng thời Luật quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về người nộp thuế nhằm phục vụ cho công tác quản lý thuế. Ngoài ra, Luật quản lý thuế còn quy định về việc bảo mật thông tin về người nộp thuế và các trường hợp cơ quan quản lý thuế được công khai thông tin vi phạm pháp luật thuế của người nộp thuế. Tuy nhiên, còn một số vấn đề pháp lí liên quan đến thông tin về người nộp thuế chưa được làm rõ, chưa được quy định cụ thể, cần được tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, bổ sung và hoàn thiện để làm sao ngành thuế Việt Nam có được cơ sở dữ liệu thông tin đầy đủ, chính xác về người nộp thuế nhằm kiểm soát được tất cả đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế; bảo đảm dự báo nhanh, chính xác số thu của ngân sách nhà nước; phát hiện và xử lí kịp thời các vướng mắc, vi phạm pháp luật về thuế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế./